TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2019/DS-ST
Ngày: 18/9/2019
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- ***Th□ ký phiên tòa:*** Bà **Phan Thị Quyên—** Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm**- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự góp họ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Ngọc M**, sinh năm 1980
Địa chỉ: Số nhà 136, tổ X, ấp Y, xã Z, huyện M, tỉnh N.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Đồng bị đơn: Ông **Bùi Văn P**, sinh năm 1969
Bà **Trương Thị Kim K** (Trương Thị K), sinh năm 1969
Cùng địa chỉ: Ấp Y, xã Z, huyện M, tỉnh N.
(Ông P, bà K đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018 của nguyên đơn Lê Ngọc M, bản tự khai của nguyên đơn, nội dung các phiên không hoà giải được, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

Chị Lê Ngọc M trình bày: Tôi có làm chủ hụi của dây hụi áp ngày 20/02/2015 âm lịch, mỗi tháng xổ một lần, có 19 ng- ời tham gia với tổng cộng là 24 chân hụi, hụi chết có số tiền là 2.000.000đ, dây hụi này hoạt động theo hình thức ai bỏ hụi cao thì đ- ợc hốt hụi, sau khi hốt hụi thì ng- ời đã hốt hụi phải đóng hụi chết cho chủ hụi đến khi mãn hụi. Vợ chồng ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K (Trương Thị K) tham gia 02 chân hụi. Ngày 20/02/2015 âm lịch, bà K và

ông P bỏ hụi với số tiền là 700.000đ, hốt được số tiền hụi là 27.300.000đ, trừ tiền thảo 1.500.000đ, tôi giao cho bà K số tiền hụi là 25.800.000 đồng, bà K có ký nhận tiền hụi vào sổ hụi của tôi và tự ghi dòng chữ "có nhận đủ số tiền 25.800.000". Ngày 20/06/2015 âm lịch, bà K và ông P bỏ hụi với số tiền là bao nhiêu thì tôi không nhớ, hốt được số tiền hụi là 34.600.000đ, trừ tiền thảo 1.500.000đ, tôi giao cho bà K số tiền hụi là 33.100.000 đồng, bà K có ký nhận tiền hụi vào sổ hụi của tôi và tự ghi dòng chữ "có nhận 33100". Sau khi hốt hụi xong, bà K và ông P đóng hụi chết đến tháng 4/2016 âm lịch thì ngưng đóng hụi chết, tính đến khi mãn hụi (tháng 01/2017 âm lịch) thì bà K và ông P còn nợ tôi số tiền hụi chết của hai chân hụi là 40.000.000đ. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K phải hoàn trả cho tôi số tiền nợ hụi là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), trả một lần, không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K theo quy định của pháp luật, nh- ng ông P, bà K không hợp tác nên Tòa án không thu thập đ- ợc lời khai của ông P, bà K.

Tại phiên tòa,

Chị Lê Ngọc M vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu nêu trên và bổ sung là vào ngày 20/06/2015 âm lịch, bà K và ông P bỏ hụi với số tiền là 600.000 đồng.

□ kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán tiền góp họ nên chị Lê Ngọc M khởi kiện ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K (Trương Thị K) tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành vào ngày 26/12/2018; ông P, bà K cùng cư trú tại ấp Y, xã Z, huyện M, tỉnh N. Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K (Trương Thị K) tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-DS, ngày 25/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-DS, ngày 22/8/2019 cho ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K theo quy định của pháp luật nhưng ông P, bà K vẫn vắng mặt tại phiên toà, đ- ợc sự thống nhất của chị Lê Ngọc M và Kiểm sát viên tham gia

phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông P, bà K theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc M:

Tại phiên tòa, chị Lê Ngọc M vẫn khẳng định là chị Lê Ngọc M có làm chủ hụi của dây hụi áp ngày 20/02/2015 âm lịch, mỗi tháng xổ một lần, có 19 ng- ời tham gia với tổng cộng là 24 chân hụi, hụi chết có số tiền là 2.000.000 đồng, dây hụi này hoạt động theo hình thức ai bỏ hụi cao thì đ- ợc hốt hụi, sau khi hốt hụi thì ng- ời đã hốt hụi phải đóng hụi chết cho chủ hụi đến khi mãn hụi. Vợ chồng ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K (Trương Thị K) có tham gia 02 chân hụi trong dây hụi này. Ngày 20/02/2015 âm lịch, bà K và ông P bỏ hụi với số tiền là 700.000 đồng, hốt được số tiền hụi là 27.300.000 đồng, trừ tiền thảo 1.500.000 đồng, chị M giao cho bà K số tiền hụi là 25.800.000đ (Hai mươi lăm triệu tám trăm ngàn đồng), bà K có ký nhận tiền hụi vào sổ hụi của chị M và tự ghi dòng chữ "có nhận đủ số tiền 25.800.000". Ngày 20/06/2015 âm lịch, bà K và ông P bỏ hụi với số tiền là 600.000 đồng, hốt được số tiền hụi là 34.600.000 đồng, trừ tiền thảo 1.500.000 đồng, chị M giao cho bà K số tiền hụi là 33.100.000đ (Ba mươi ba triệu một trăm ngàn đồng), bà K có ký nhận tiền hụi vào sổ hụi của chị M và tự ghi dòng chữ "có nhận 33100". Cả hai lần giao tiền hụi thì chị M đều giao tiền cho cả vợ chồng bà K, ông P. Sau khi hốt hụi xong, bà K và ông P đóng hụi chết cho chị M đến tháng 4/2016 âm lịch thì ngưng đóng hụi chết, tính đến khi mãn hụi (tháng 01/2017 âm lịch) thì bà K và ông P còn nợ chị M số tiền hụi chết của hai chân hụi là 40.000.000 đồng. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông P, bà K phải hoàn trả cho chị M số tiền nợ hụi là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), trả một lần, không yêu cầu tính tiền lãi.

Xét rằng: Lời trình bày của chị M được chứng minh bởi các văn bản giao, nhận tiền hụi (BL 30, 31). Tuy ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K (Trương Thị K) cố tình trốn tránh nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án đối với vụ án này, không cung cấp bản tự khai cũng như các chứng cứ chứng minh cho Tòa án, nhưng theo kết quả xác minh của Tòa án tại ấp X thì lời trình bày của chị M là đúng sự thật (BL 42). Do đó, căn cứ vào Điều 30 Ch- ơng IV của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, ph- ờng, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và yêu cầu nguyên đơn Lê Ngọc M, buộc ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K (Trương Thị K) phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Lê Ngọc M số tiền nợ họ của dây họ áp ngày 20/02/2015 âm lịch với số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu ông Bùi Văn P, bà Trương Thị Kim K không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nêu trên cho chị Lê Ngọc M, thì hàng tháng ông Bùi Văn P, bà Trương Thị Kim K còn phải trả cho chị Lê Ngọc M khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà n- ớc công bố t- ơng ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Việc các bên đương sự thanh toán số nợ họ nêu trên nh- thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Tòa án buộc ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K (Trương Thị K) phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Chị Lê Ngọc M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Lê Ngọc M đã nộp là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009459, ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 Ch- ơng IV của Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, ph- ờng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K (Trương Thị K) phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Lê Ngọc M số tiền nợ họ của dây họ áp ngày 20/02/2015 âm lịch với số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu ông Bùi Văn P, bà Trương Thị Kim K không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nêu trên cho chị Lê Ngọc M, thì hàng tháng ông Bùi Văn P, bà Trương Thị Kim K còn phải trả cho chị Lê Ngọc M khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà n- ớc công bố t- ơng ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí: Buộc ông Bùi Văn P và bà Trương Thị Kim K (Trương Thị K) phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Chị Lê Ngọc M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Lê Ngọc M đã nộp là 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0009459, ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/9/2019), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng